TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 21-10-2020
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Xuân sáng**

Ông **Nguyễn Văn Huynh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Tỏ -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu -** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST – HNGĐ ngày 10/6/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Văn T, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Số 111, PT, phường N, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Liêng Jrang Nga Đ, sinh năm 1965.

ĐKHKTT: Số 31 L, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng

Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

1. Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trình bày của ông Tô Văn T: Năm 1988 ông và bà Liêng Jrang Nga Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, huyện LD, hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Trong quá trình làm việc với Tòa án thì ông T lại trình bày, ông và bà Nga Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, hai bên không đến cơ quan có thẩm quyền nào đăng ký kết hôn. Đến năm 2017 thì ông và bà Đ phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi nhau nên ông về nhà cha mẹ đẻ của ông ở PT, phường N, ĐL sinh sống còn bà Nga Đ về xã ĐS, huyện LD sinh sống. Cũng từ đó ông và bà Nga Đ không còn quan tâm đến nhau nữa. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ để ông ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống thì ông và bà Đ có hai con chung là Tô Thị Ái V, sinh ngày 01/9/1988 và Tô Chấn Ph, sinh ngày 25/9/1999. Hai con

đã trưởng thành, phát triển bình thường do dó ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T xác định, ông và bà Đ không nợ ai và cũng không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

2. *Theo bị đơn là bà Liêng Jrang Nga Đ trình bày:*

Năm 1988 bà và ông Tô Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên bà không có để cung cấp cho Tòa án. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại thị trấn LD, sau đó vợ chồng mâu thuẫn thì đã bán nhà ở thị trấn LD, ông T về ở nhà cha mẹ đẻ của ông tại PT, phường N, ĐL ở (cách đây khoảng 4 đến 5 năm); còn bà về sinh sống tại nhà em gái bà ở thôn 2, xã ĐS. Bà xác định không còn tình cảm với ông T, nhưng cũng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông T có hai người con chung là Tô Thị Ái V và Tô Chấn Ph như ông T trình bày, các con của ông bà đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, cũng như nợ chung.

Do bà Đ không đồng ý ly hôn nên bà không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu nào và cũng từ chối nhận các văn bản tố tụng do Tòa án gửi.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được; lý do bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tung dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử không công nhận ông Tô Văn T và bà Liêng Jrang Nga Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Tô Văn T đối với bà Liêng Jrang Nga Đ là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là Liêng Jrang Nga Đ có nơi cư trú tại thôn 2, xã ĐS, huyện LD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên

tòa, bị đơn vắng mặt (vắng mặt lần thứ 2) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn ông T trình bày là ông và bà Đ đăng ký kết hôn tại xã ĐS, huyện LD; khi thụ lý vụ án,Tòa án xác định là "xin ly hôn". Tuy nhiên trong quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thì ông T xác định: Ông và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1988, hai người chưa đến cơ quan có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn; còn bà Nga Đ thì cho rằng bà và ông Tiềm kết hôn từ năm 1988, nhưng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị thất lạc nên không có để cung cấp cho Tòa án. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã ĐS, Công an huyện LD và các cơ quan liên quan khác về việc kết hôn giữa ông T và bà Đ, cũng như việc đăng ký hộ khẩu thường trú từ năm 1987 đến năm 2003 thì không thể hiện việc ông T và bà Đ có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Không công nhận là vợ chồng" để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Tô Văn T: Các đương sự (cả ông T và bà Đ) xác định, hai người phát sinh mâu thuẫn khoảng từ 4 năm trở lại đây và đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông T về việc đề nghị chấm dứt hôn nhân với bà Liêng Jang Nga Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Các đương sự cùng xác định: Có hai con chung là Tô Thị Ái V, sinh ngày 01/9/1988 và Tô Chấn Ph, sinh ngày 25/9/1999. Hai con đã trưởng thành, phát triển bình thường. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định, vợ chồng tự thỏa thuận; còn bị đơn thì xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung . Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về án phí: Ông Tô văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14,15, 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận ông Tô Văn T và bà Liêng Jrang Nga Đ là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Tô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008942 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LD, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với bà Liêng Jrang Nga Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- UBND xã Đa Sar;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phương Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phương Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phương Dung